Thành ủy Hải Phòng
23/09/2026 18:44:59

THÀNH ỦY HẢI PHÒNG	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
*	
Số 34-CTr/TU	*Hải Phòng, ngày 30 tháng 8 năm 2026*

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THÀNH PHỐ
thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 33-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam

---

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV (Nghị quyết số 19-NQ/TW) và Chương trình hành động số 33-CTr/TW, ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị (Chương trình hành động số 33-CTr/TW) về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam, Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố ban hành Chương trình hành động thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt sâu sắc, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao về nhận thức, quyết tâm chính trị và hành động trong toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị, doanh nghiệp và Nhân dân thành phố về quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới mô hình phát triển đất nước theo Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW.

- Cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, đề án, chương trình cụ thể, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, tiềm năng, lợi thế và điều kiện thực tiễn phát triển của thành phố; làm căn cứ để các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ thành phố đến cơ sở xây dựng chương trình, kế hoạch hành động, tổ chức thực hiện.

- Tạo chuyển biến mạnh mẽ, thực chất trong nhận thức và hành động của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân thành phố, góp phần xây dựng thành phố phát triển nhanh, bền vững, hiện đại, văn minh, đóng góp xứng đáng vào mục tiêu chung của cả nước đến năm 2030, năm 2035, năm 2045 và tầm nhìn đến năm 2130 theo tinh thần Nghị quyết.

2. Yêu cầu

- Bám sát quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố lần thứ I và các nghị quyết, quy hoạch, kế hoạch của thành phố; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi.

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW với tinh thần quyết tâm cao, nỗ lực lớn; lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, thường xuyên, phân công "rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền", gắn với chất lượng và hiệu quả.

- Các mục tiêu, nhiệm vụ phải được cụ thể hóa thành chỉ tiêu, có tiến độ, thời gian thực hiện, phân bổ nguồn lực, sản phẩm đầu ra, gắn với trách nhiệm người đứng đầu và cơ chế kiểm tra, giám sát thường xuyên, hiệu lực, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Hải Phòng trở thành cực tăng trưởng quan trọng của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước; đi đầu trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Tập trung phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và không ngừng cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Chú trọng phát triển văn hóa, con người, bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao chất lượng sống của người dân; bảo vệ vững chắc môi trường sinh thái; góp phần quan trọng hiện thực hóa khát vọng vào năm 2045, Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, thu nhập cao, đồng thời bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biển đảo và môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển đất nước.

2. Chỉ tiêu cụ thể

Thành ủy xác định 50 chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Chương trình hành động này để triển khai thực hiện trên địa bàn thành phố.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Thành ủy lựa chọn, cụ thể hóa, tích hợp thành 55 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phù hợp với điều kiện thực tiễn của Hải Phòng tại Phụ lục 2; đồng thời xác định các nhiệm vụ thành phố phối hợp với các cơ quan Trung ương tại Phụ lục 3; trong đó tập trung thực hiện các nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao chất lượng quản trị và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; lấy năng lực lãnh đạo hoạch định chiến lược, kiến tạo thể chế, tổ chức thực thi và tự chỉnh đốn, tự đổi mới làm trọng tâm; công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, tổ chức và cán bộ là yếu tố cốt lõi. Đổi mới toàn diện công tác cán bộ, coi đánh giá cán bộ là khâu đột phá và lấy hiệu quả công việc làm thước đo chủ yếu; khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; có cơ chế liên thông trong tuyển dụng, thu hút, sử dụng chuyên gia, nhân lực chất lượng cao giữa khu vực công và khu vực tư.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành theo hướng quản trị hiện đại, dựa trên dữ liệu, mục tiêu và kết quả; nâng cao chất lượng công tác tham mưu, dự báo, đánh giá và báo cáo. Thực hiện nghiêm nguyên tắc "rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền", gắn với trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và xử lý các nhiệm vụ chậm tiến độ.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, mối quan hệ công tác; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước và cải cách hành chính. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của thành phố bảo đảm thống nhất, đồng bộ, tháo gỡ các "điểm nghẽn", góp phần đưa thể chế, pháp luật trở thành một trong những đột phá chiến lược, tạo lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho sự phát triển của thành phố, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế "02 con số". Triển khai có hiệu quả công tác theo dõi thi hành pháp luật, phổ biến giáo dục pháp luật, truyền thông chính sách, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật.

Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính; rà soát, đơn giản hóa quy trình, tăng tính công khai, minh bạch và khả năng tiếp cận; tăng cường đo lường, phân tích mức độ hài lòng, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị; lấy sự hài lòng của người dân làm một trong những căn cứ quan trọng để cải tiến chất lượng phục vụ. Chú trọng cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp.

2. Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển các động lực tăng trưởng mới

Tập trung đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế; phát huy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nguồn nhân lực chất lượng cao.

Phát triển công nghiệp Hải Phòng theo hướng hiện đại, xanh, công nghệ cao và có giá trị gia tăng lớn; tập trung phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao và cụm công nghiệp; nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất, chất lượng và khả năng tham gia chuỗi giá trị toàn cầu của doanh nghiệp.

Tập trung phát triển các khu công nghiệp, khu kinh tế và Khu thương mại tự do Hải Phòng theo mô hình hiện đại, xanh, thông minh, công nghệ cao, trở thành các cực tăng trưởng và không gian phát triển mới; gắn phát triển hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp với yêu cầu phát triển bền vững, thông minh và phù hợp các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn nằm trong top 500 doanh nghiệp lớn nhất toàn cầu (Fortune Global 500) và các tập đoàn tư nhân lớn trong nước; ưu tiên thu hút các dự án công nghệ cao, công nghiệp chế biến - chế tạo tiên tiến, công nghiệp hỗ trợ, logistics và dịch vụ giá trị gia tăng cao. Tăng cường liên kết và phát triển hệ sinh thái công nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế và Khu thương mại tự do; thu hút có chọn lọc FDI gắn với chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và phát triển doanh nghiệp trong nước, từng bước nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, năng lực tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng toàn cầu của doanh nghiệp Hải Phòng.

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, kết nối giao thương và hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường; cung cấp thông tin, cảnh báo sớm về chính sách, tiêu chuẩn, hàng rào kỹ thuật và phòng vệ thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao chất lượng, xây dựng thương hiệu, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và yêu cầu phát triển xanh, qua đó nâng cao khả năng duy trì và mở rộng thị trường xuất khẩu.

Tập trung phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế về biển đảo, di sản, văn hóa, ẩm thực và đô thị. Phát huy giá trị và vai trò động lực của Cát Bà, Đồ Sơn, Côn Sơn - Kiếp Bạc để phát triển kinh tế xanh, du lịch bền vững, lan tỏa hình ảnh Thành phố Cảng văn minh, thân thiện, đáng sống. Đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, ưu tiên du lịch biển đảo, văn hóa - lịch sử, đô thị, ẩm thực, du lịch cộng đồng, du lịch đường thủy và kinh tế đêm; hình thành các sản phẩm đặc trưng, có sức cạnh tranh và khả năng thu

hút khách lưu trú dài ngày. Tăng cường liên kết vùng, xúc tiến, quảng bá và xây dựng thương hiệu du lịch Hải Phòng; đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh. Huy động nguồn lực xã hội, thu hút các nhà đầu tư chiến lược, đầu tư đồng bộ hạ tầng và cơ sở dịch vụ du lịch; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng phục vụ và hiệu quả quản lý nhà nước. Phát triển du lịch xanh, bền vững, gắn bảo tồn di sản, bảo vệ tài nguyên, môi trường với nâng cao đời sống Nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp; bảo vệ tài nguyên, hệ sinh thái nông nghiệp, gắn phát triển nông nghiệp với du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm.

Đẩy mạnh phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp công nghệ số; nâng cao năng lực tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế; phát triển các thị trường mới, phương thức kinh doanh mới. Thu hút có chọn lọc các đối tác chiến lược, tập đoàn đa quốc gia, dự án có công nghệ tiên tiến, giá trị gia tăng cao, có sức lan tỏa, sử dụng hiệu quả đất đai, năng lượng và tài nguyên.

3. Tổ chức lại không gian phát triển, nâng cao chất lượng quy hoạch, phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng chiến lược

Hoàn thiện Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075, thống nhất với Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng thời cập nhật các định hướng, chỉ đạo mới về phát triển kinh tế - xã hội. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, lập mới các quy hoạch đô thị, quy hoạch khu chức năng, quy hoạch nông thôn và các quy hoạch có liên quan theo hướng đa cực, liên kết chặt chẽ giữa đô thị - nông thôn, đất liền - biển, cảng biển - khu kinh tế - khu công nghiệp - logistics; tăng cường liên kết vùng và khai thác hiệu quả các hành lang, không gian phát triển mới. Tăng cường công khai, minh bạch thông tin quy hoạch; từng bước số hóa hồ sơ quy hoạch, xây dựng hệ thống thông tin quy hoạch dùng chung để phục vụ công tác lập, thẩm định, quản lý, công bố và giám sát thực hiện quy hoạch.

Tổ chức phát triển đô thị hiện đại, xanh, thông minh, có bản sắc; nghiên cứu, triển khai mô hình phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng, theo các hành lang kinh tế và hành lang giao thông (TOD); Xác định rõ mối quan hệ không gian giữa đô thị - công nghiệp - cảng biển - logistics - dịch vụ - nông nghiệp - biển và hải đảo, bảo đảm mỗi khu vực phát triển có chức năng, động lực và hệ

thống hạ tầng phù hợp. Tập trung chỉnh trang, tái thiết các khu vực đô thị cũ, khu vực trung tâm lịch sử; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, cây xanh, không gian công cộng, bãi đỗ xe, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật.

Tập trung đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng chiến lược về giao thông, cảng biển, logistics, năng lượng, hạ tầng số và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại; tăng cường liên kết khu vực phía Đông - phía Tây, liên kết với vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội và các tỉnh, thành phố lân cận. Nghiên cứu, khai thác hiệu quả không gian biển, không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian số và các không gian phát triển mới, tạo dư địa và động lực phát triển lâu dài cho thành phố.

4. Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo

Phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực quan trọng, góp phần tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội, từng bước đưa Hải Phòng trở thành "Thành phố đổi mới sáng tạo". Phát triển mạnh các động lực tăng trưởng mới dựa trên khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, kinh tế dữ liệu... Tập trung triển khai chương trình khoa học và công nghệ biển, các nhiệm vụ đổi mới sáng tạo, nhiệm vụ chuyển đổi số gắn với phát triển cảng biển thông minh, logistics số và kinh tế biển.

Đẩy mạnh hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, xác lập đầy đủ quyền tài sản đối với kết quả nghiên cứu; phát triển thị trường khoa học và công nghệ, thúc đẩy chuyển giao công nghệ. Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đặc biệt là đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp. Tiếp tục phát triển và tái cấu trúc hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, đổi mới sáng tạo; thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Đổi mới mạnh mẽ trong liên kết với doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; huy động tối đa nguồn lực xã hội, doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và các tổ chức trong nước, quốc tế tham gia đầu tư cho hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo. Khuyến khích thực hiện các mô hình hợp tác công - tư trong nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa công nghệ; phát triển các quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm và các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Tập trung triển khai Chiến lược dữ liệu đã được phê duyệt, xác định dữ liệu là tư liệu sản xuất mới và tài nguyên chiến lược; công khai, minh bạch, có kiểm soát dữ liệu khu vực công. Đẩy mạnh phát triển trí tuệ nhân tạo thành hạ tầng trí tuệ và lực lượng sản xuất chất lượng cao. Tiếp tục phát triển các nền tảng dùng chung; nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm Dữ liệu thành phố đạt chuẩn Tier III+; nghiên cứu xây dựng Trung tâm tính toán hiệu năng cao đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

5. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, văn hóa, con người và bảo đảm an sinh xã hội

Đẩy mạnh đào tạo lao động chất lượng cao trong các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán (STEM) nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng về cơ cấu nhân lực của các lĩnh vực công nghệ cao; tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân tài trong các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ then chốt trực tiếp phục vụ phát triển công nghệ chiến lược, công nghệ cao được ưu tiên. Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ người học các ngành STEM đạt 50% tổng số sinh viên trên địa bàn thành phố; số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông đạt khoảng 5.000 người/năm, trong đó chú trọng gia tăng tỷ lệ nhân lực được đào tạo ở trình độ cao, ít nhất 10% được cấp bằng cử nhân/kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ.

Phát triển hệ sinh thái đào tạo và phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo thành phố có quy mô, cơ cấu và chất lượng phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; hình thành lực lượng nhân lực có năng lực sử dụng, ứng dụng, nghiên cứu, phát triển và từng bước làm chủ công nghệ trí tuệ nhân tạo. Đẩy mạnh đào tạo nhân lực trí tuệ nhân tạo gắn với chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ chiến lược và các ngành, lĩnh vực trọng điểm của thành phố; tăng cường các chương trình đào tạo chuyên sâu, đào tạo tích hợp trí tuệ nhân tạo với các ngành, lĩnh vực. Phấn đấu đến năm 2030, số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo đạt khoảng 500 người/năm, trong đó chú trọng phát triển nhân lực trình độ cao, ít nhất 20% được cấp bằng cử nhân/kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ.

Tăng cường gắn kết đào tạo với nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo, thu hút và trọng dụng nhân tài; thúc đẩy liên kết giữa cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ chiến lược, công nghiệp nền tảng, kinh tế biển và các ngành kinh tế mũi nhọn của thành phố. Ưu tiên đầu tư, nâng cao năng lực các cơ sở giáo dục đại học có thế mạnh về hàng hải, kinh tế biển, logistics và

kỹ thuật - công nghệ. Phấn đấu đến năm 2030, có ít nhất 01 cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn thành phố được xếp trong nhóm 05 cơ sở đào tạo nguồn nhân lực hàng hải, kinh tế biển chất lượng cao hàng đầu khu vực ASEAN; trong đó các ngành, lĩnh vực khoa học hàng hải và cơ khí động lực được xếp trong nhóm 10 hàng đầu châu Á.

Đẩy mạnh hợp tác "3 Nhà" và phát huy vai trò doanh nghiệp: Nhà nước xác định bài toán, đặt hàng, tạo cơ chế, bố trí nguồn lực, dữ liệu, hạ tầng, địa bàn thí điểm và thị trường ban đầu; viện nghiên cứu, trường đại học tham gia nghiên cứu, tư vấn, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực; doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất, hoàn thiện sản phẩm, thương mại hóa, mở rộng thị trường, hình thành chuỗi giá trị trong đó khuyến khích và tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia ngay từ khâu xác định bài toán, đặt hàng, tiếp nhận, thử nghiệm sản phẩm. Khuyến khích các doanh nghiệp FDI chuyển giao thiết bị thực hành và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề trực tiếp tại các Trung tâm thực nghiệm dùng chung này.

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh trong gia đình, nhà trường, cơ quan, doanh nghiệp và cộng đồng; hình thành chuẩn mực ứng xử, ý thức chấp hành pháp luật và lối sống văn minh. Nâng cao đời sống văn hóa, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận và thụ hưởng các giá trị văn hóa; phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao theo hướng đồng bộ, hiện đại, đa chức năng, phục vụ thiết thực nhu cầu của Nhân dân. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, di sản của thành phố gắn với giáo dục truyền thống, phát triển du lịch và kinh tế - xã hội. Xây dựng con người Hải Phòng phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng, ý thức pháp luật và trách nhiệm xã hội; chú trọng phát triển các không gian văn hóa, sáng tạo, thể thao cho thanh thiếu niên. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa có lợi thế; gắn văn hóa với du lịch, lễ hội, kinh tế đêm, ẩm thực và phát triển đô thị; huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho văn hóa, từng bước đưa văn hóa trở thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển thành phố.

Đổi mới mô hình bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; tăng cường phòng bệnh, phát hiện sớm, quản lý các yếu tố nguy cơ, bệnh không lây nhiễm; quản lý sức khỏe người dân theo vòng đời; nâng cao năng lực y tế cơ sở và bảo đảm sự liên tục giữa dự phòng, chăm sóc ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng. Triển khai đồng bộ công tác dân số và phát triển; chuyển trọng tâm từ quản lý quy mô dân số sang nâng cao chất lượng dân số; chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe bà mẹ, trẻ em; chủ động thích ứng với già hóa dân số và phát triển các hình thức chăm sóc phù hợp cho người cao tuổi. Phấn đấu thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân; nâng cao chất lượng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế; chủ

động chuẩn bị các điều kiện để triển khai chủ trương từng bước miễn viện phí theo lộ trình, cơ chế, chính sách của Trung ương.

6. Phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

Phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới theo hướng hiệu quả, bền vững; khai thác hợp lý tiềm năng năng lượng tái tạo của thành phố, từng bước gia tăng tỷ trọng năng lượng tái tạo theo quy hoạch được duyệt, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính và chuyển dịch cơ cấu năng lượng theo hướng xanh, sạch. Tạo điều kiện thuận lợi, thu hút và huy động các nguồn lực đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo phù hợp quy hoạch và nhu cầu phụ tải; ưu tiên phát triển điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, điện từ chất thải và các nguồn năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện thực tế.

Tăng cường phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải theo hướng thu hồi năng lượng; giảm mạnh tỷ lệ chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt; khuyến khích đầu tư phát triển đồng bộ hạ tầng, công nghệ thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải.

Quản lý chặt chẽ các khu bảo tồn hiện có, ngăn chặn nguy cơ suy giảm đa dạng sinh học, bảo đảm hài hòa giữa bảo tồn và phát triển, duy trì các chức năng sinh thái và khả năng chịu tải của môi trường; nâng cao hiệu quả quản lý di sản thiên nhiên; thực hiện các giải pháp dựa vào tự nhiên, bảo tồn các loài nguy cấp, quý, hiếm và nguồn gen. Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai; ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển các đô thị chống chịu với biến đổi khí hậu.

7. Củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng nền quốc phòng số, bảo đảm an ninh mạng; mở rộng đối ngoại và hội nhập quốc tế

Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, an ninh kinh tế, an ninh mạng và an ninh biển; có phương án chủ động từ sớm, từ xa ứng phó hiệu quả với mọi tình huống, kịch bản có thể ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Chú trọng nâng cao năng lực an toàn, an ninh mạng; phát triển công nghiệp an ninh mạng, nền công nghiệp an ninh tự chủ, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, đáp ứng được yêu cầu đặt ra trong tình hình mới. Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành trên địa bàn thành phố theo nguyên tắc "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung" phục vụ người dân và công tác quản lý của hệ thống chính quyền.

Đẩy mạnh xây dựng nền quốc phòng số, lực lượng vũ trang thành phố thông minh, hiện đại; từng bước ứng dụng dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, công nghệ mô phỏng và các nền tảng số trong công tác tham mưu, chỉ huy, điều hành, huấn luyện, diễn tập, quản lý khu vực phòng thủ và phòng thủ dân sự. Xây dựng, kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc phòng; đồng thời, nâng cao năng lực bảo đảm an ninh mạng, chủ động phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh với các nguy cơ, thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo vệ an toàn các hệ thống thông tin, dữ liệu, hạ tầng trọng yếu, tạo môi trường an ninh, an toàn, ổn định phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Tổ chức các chương trình, đoàn công tác đối ngoại kinh tế của lãnh đạo thành phố làm việc với các tập đoàn đa quốc gia, cơ quan đại diện ngoại giao, tổ chức quốc tế và đối tác chiến lược nhằm xúc tiến, thu hút các dự án trong lĩnh vực công nghệ cao, logistics, công nghiệp xanh, chuyển đổi xanh và các ngành có tiềm năng, lợi thế của thành phố. Triển khai các hình thức, phương thức ngoại giao mới, ngoại giao chuyên biệt, phát huy vai trò của ngoại giao của các đồng chí lãnh đạo đứng đầu thành phố, ngoại giao thông qua các chủ tập đoàn, CEO; tăng cường ngoại giao khoa học - công nghệ, ngoại giao kinh tế, phục vụ chuyển đổi mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và phát triển các ngành, lĩnh vực công nghệ chiến lược. Tăng cường phối hợp, liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học trong nghiên cứu, tư vấn và đề xuất các chiến lược, định hướng đối ngoại, góp phần nâng cao năng lực hội nhập quốc tế và phục vụ phát triển thành phố.

8. Huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực; tăng cường kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện

Tập trung, ưu tiên nguồn lực nhà nước cho các nhiệm vụ nền tảng, đột phá, có tính dẫn dắt, tạo động lực và sức lan tỏa lớn; đồng thời đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội, đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài và hợp tác công - tư. Nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, tài sản công, ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác; kiên quyết khắc phục đầu tư dàn trải, chậm tiến độ, sử dụng nguồn lực kém hiệu quả. Đối với các nhiệm vụ, đề án, dự án lớn phải xác định rõ nguồn vốn, cơ chế huy động, tiến độ bố trí vốn và cơ quan chịu trách nhiệm. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm của người đứng đầu.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thường vụ Thành ủy chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW (hoàn thành trong tháng 8/2026); lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả Chương trình hành động; thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Giao Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Ủy ban nhân dân thành phố xây dựng Kế hoạch thực hiện; giao nhiệm vụ, thời hạn, sản phẩm cho các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động này. Thời gian hoàn thành Kế hoạch trước 15/10/2026.

3. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố xây dựng Kế hoạch để tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân tích cực thực hiện; chỉ đạo tăng cường giám sát hoạt động của các cấp chính quyền, của cán bộ, đảng viên của các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện; thực hiện tốt chức năng giám sát, phản biện xã hội và tham gia xây dựng các chính sách liên quan. Thời gian hoàn thành Kế hoạch trước 15/10/2026.

4. Đảng uỷ trực thuộc Thành uỷ xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Thành ủy phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Thời gian hoàn thành Kế hoạch trước 15/10/2026.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Kế hoạch cụ thể hướng dẫn việc tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện; chỉ đạo, định hướng báo chí thông tin, tuyên truyền, phổ biến về Nghị quyết số 19-NQ/TW, Chương trình hành động số 33-CTr/TW và Chương trình hành động này. Thời gian hoàn thành Kế hoạch trước 15/10/2026.

6. Giao Văn phòng Thành ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình hành động; định kỳ sơ kết vào tháng 12 hàng năm, tổng kết theo yêu cầu của Trung ương, báo cáo Thành ủy theo quy định.

7. Trong quá trình tổ chức thực hiện, căn cứ tình hình thực tế và đề xuất của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố, các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy và các cơ quan, đơn vị liên quan, Thành ủy kịp thời điều chỉnh, bổ sung nội dung Chương trình hành động đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra.

T/M BAN CHẤP HÀNH
BÍ THƯ

THÀNH ỦY HẢI PHÒNG

Lê Ngọc Châu

Nơi nhận:
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng (để b/c);
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương (để b/c);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để b/c);
- Các đảng bộ trực thuộc Thành ủy;
- Các ban, sở, ngành thành phố;
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố;
- Các đồng chí Ủy viên Thành ủy;
- Lưu Văn phòng Thành ủy.

PHỤ LỤC I

TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THỰC HIỆN ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC ĐẾN NĂM 2030, NĂM 2035 VÀ NĂM 2045 TẠI HẢI PHÒNG

(Kèm theo Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 30/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị chủ trì
I	**Nhóm chỉ tiêu về thể chế, quản trị quốc gia và hoàn thiện hệ thống chính trị**				
1	Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI)	Nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3 địa phương	Nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3 địa phương	Nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3 địa phương	Sở Khoa học và Công nghệ
2	Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3 địa phương	Nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3 địa phương	Nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3 địa phương	Sở Tài chính
3	Chỉ số Cải cách hành chính (PAR Index)	Nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3 địa phương	Nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3 địa phương	Nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3 địa phương	Sở Nội vụ
4	Chỉ số chuyển đổi xanh (PGI)	Nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3 địa phương	Duy trì nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3 địa phương	Duy trì nhóm 5 địa phương dẫn đầu cả nước, phấn đấu trong nhóm 3 địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Chỉ số sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	Đạt từ 89 - 91%	Đạt từ 91 - 94%	Đạt tối thiểu 95%	Sở Nội vụ

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị chủ trì
6	Tỷ lệ sử dụng nền tảng số phục vụ điều hành theo mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Phấn đấu đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ
II	**Nhóm chỉ tiêu về kinh tế**				
7	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	≥13, phấn đấu đạt 14%/năm	10-11%/năm	9-10%/năm	Sở Tài chính, Thống kê thành phố
8	GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành, đến cuối kỳ) (USD)	11.247	16.000	30.000	Sở Tài chính, Thống kê thành phố
9	Tỷ trọng đóng góp của năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GRDP (%)	57	58	58	Thống kê thành phố
10	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	11	Khoảng 9%/năm	Khoảng 8%/năm	Thống kê thành phố
11	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP (đến cuối kỳ) (%)	≥35	≥40	≥45	Thống kê thành phố
12	Tốc độ tăng trưởng thị trường trung tâm dữ liệu bình quân/năm (%)	12 - 15	10 - 12	8 - 10	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị chủ trì
13	Xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) (đến cuối kỳ)	Top 5, phấn đấu top 3 cả nước	Top 5, phấn đấu top 3 cả nước	Top 5, phấn đấu top 3 cả nước	Sở Khoa học và Công nghệ
14	Tốc độ tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế trung bình/năm (%)	16 - 18	10 - 12	10	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Doanh nghiệp công nghệ số của Hải Phòng vươn ra toàn cầu	≥ 01 doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có doanh thu từ thị trường nước ngoài đạt 20 triệu USD/năm	Phấn đấu có 01 doanh nghiệp	Có tối thiểu 01 doanh nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ
16	Kinh phí chi cho nghiên cứu và phát triển so với GRDP, trong đó tỉ trọng kinh phí từ xã hội (đến cuối kỳ) (%)	2; >60	3; 65 - 70	3 - 3,5; 70 - 80	Sở Khoa học và Công nghệ
17	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (đến cuối kỳ) (%)	> 40	≥ 45	≥ 55	Sở Khoa học và Công nghệ
18	Tỉ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá (đến cuối kỳ) (%)	50 - 52	52 - 57	57 - 62	Sở Khoa học và Công nghệ
19	Phát triển trí tuệ nhân tạo (AI) (đến cuối kỳ)	Phấn đấu nằm trong top 3 toàn quốc	Phấn đấu đứng top 3 toàn quốc	Phấn đấu đứng top 3 toàn quốc	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị chủ trì
20	Phát triển đô thị	-	-	Xây dựng 01 đô thị đạt tầm cỡ quốc tế	Sở Xây dựng
III	**Nhóm chỉ tiêu về xã hội**				
21	Phát triển dân số (đến cuối kỳ)	Quy mô dân số đạt khoảng 4,35 triệu người	Quy mô dân số đạt khoảng 4,55 triệu người	Quy mô dân số đạt khoảng 4,96 triệu người	Thống kê thành phố
22	Số người hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (đến cuối kỳ)	≥ 12 người/vạn dân	25 người/vạn dân	50-60 người/vạn dân	Sở Khoa học và Công nghệ
23	Tỷ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ (STEM)	≥ 50% tổng số sinh viên	> 50% tổng số sinh viên	> 50% tổng số sinh viên	Sở Giáo dục và Đào tạo
24	Nghiên cứu sinh các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ	25 người/năm	>25 người/năm	>25 người/năm	Sở Giáo dục và Đào tạo
25	Chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu	Phấn đấu 100% lực lượng kiêm nhiệm an ninh mạng trong khu vực nhà nước được đào tạo, sát hạch, cấp chứng nhận đạt chuẩn chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu theo quy định của Bộ Công an, trong đó tối thiểu 20% đạt trình độ quốc tế	Phấn đấu 100% lực lượng kiêm nhiệm an ninh mạng trong khu vực nhà nước (theo biên chế thực tế và số hệ thống thông tin cấp độ 2, 3, 4 phát sinh mới trong giai đoạn) được đào tạo, sát hạch, cấp chứng nhận đạt chuẩn chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu theo	Phấn đấu 100% lực lượng kiêm nhiệm an ninh mạng trong khu vực nhà nước (theo biên chế thực tế và số hệ thống thông tin cấp độ 2, 3, 4 phát sinh mới trong giai đoạn) được đào tạo, sát hạch, cấp chứng nhận đạt chuẩn chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu theo quy định của Bộ Công an, trong đó tối	Công an thành phố

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị chủ trì
			quy định của Bộ Công an, trong đó tối thiểu 25% đạt trình độ quốc tế; mở rộng đào tạo chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu đối với các đối tượng ngoài khu vực nhà nước (khi có yêu cầu).	thiểu 30% đạt trình độ quốc tế; mở rộng đào tạo chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu đối với các đối tượng ngoài khu vực nhà nước (khi có yêu cầu).	
26	Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo về công nghệ thông tin và truyền thông	5.000 người/năm	7.000 người/năm	10.000 người/năm	Sở Giáo dục và Đào tạo
	Trong đó, tỷ lệ được cấp bằng cử nhân/kỹ sư, thạc sĩ hoặc tiến sĩ	*≥10%*	*≥20%*	*≥20%*	
27	Số người tốt nghiệp các chương trình đào tạo chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo	500 người/năm	700 người/năm	850 người/năm	Sở Giáo dục và Đào tạo
	Trong đó, tỷ lệ được cấp bằng cử nhân/kỹ sư, thạc sĩ, tiến sĩ	*≥20%*	*≥20%*	*≥20%*	
28	Số lượng cơ sở giáo dục thuộc nhóm trường đại học đào tạo nguồn nhân lực hàng hải, kinh tế biển chất lượng cao hàng đầu khu vực ASEAN, trong đó các ngành, lĩnh vực đào tạo: Khoa học hàng hải và Cơ	01	01	01	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị chủ trì
	khí động lực được xếp hạng trong top 10 châu Á				
29	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	Khoảng 62-63% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	Khoảng 68-69% trở lên lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	Phấn đấu đạt 80% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội	Bảo hiểm xã hội
30	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Khoảng 55-56% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Khoảng 60-61% trở lên lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Khoảng 64-69% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp	Bảo hiểm xã hội
31	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	100%	100%	100%	Bảo hiểm xã hội
32	Tỷ lệ người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	Phấn đấu đạt khoảng 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	Phấn đấu đạt khoảng 70% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	Phấn đấu đạt khoảng 80% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo hiểm xã hội
33	Chỉ số tuổi thọ trung bình (cuối kỳ)	Khoảng 75,9 tuổi	Khoảng 77 tuổi	Khoảng 81 tuổi	Thống kê thành phố
	Trong đó số năm sống khỏe	*Số năm sống khỏe tối thiểu 68 năm*	*Số năm sống khỏe tối thiểu 69 năm*	*Số năm sống khỏe tối thiểu 71 năm*	*Sở Y tế*
34	Tỷ lệ cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt	Đạt 75%	Đạt 76% - 78%	Đạt trên 78%	Sở Nội vụ

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị chủ trì
	là nữ				
IV	**Nhóm chỉ tiêu về văn hoá, con người**				
35	Chỉ số phát triển con người (HDI)	0,8	> 0,82	Cao hơn bình quân cả nước 0,02 điểm	Thống kê thành phố
36	Xếp hạng Chỉ số hạnh phúc	Thành phố tích cực thực hiện các tiêu chí để Việt Nam thuộc nhóm 40 quốc gia và vùng lãnh thổ đứng đầu thế giới theo Báo cáo Hạnh phúc thế giới (WHR)	Thành phố tích cực thực hiện các tiêu chí để Việt Nam thuộc nhóm 35 quốc gia và vùng lãnh thổ đứng đầu thế giới theo Báo cáo Hạnh phúc thế giới (WHR)	Thành phố tích cực thực hiện các tiêu chí để Việt Nam thuộc nhóm 30 quốc gia và vùng lãnh thổ đứng đầu thế giới theo Báo cáo Hạnh phúc thế giới (WHR)	Sở Nội vụ
37	Đóng góp của giá trị tăng thêm ngành công nghiệp văn hoá trong GRDP (đến cuối kỳ) (%)	Phấn đấu đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa đạt 7% GRDP	Phấn đấu đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa đạt 8% GRDP	Phấn đấu đóng góp của các ngành công nghiệp văn hóa đạt 9% GRDP	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
38	Xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sự kiện văn hóa, nghệ thuật và lễ hội mang tầm quốc tế/khu vực	Xây dựng ít nhất 01 sự kiện văn hoá, nghệ thuật/lễ hội mang thương hiệu quốc tế	Duy trì và nâng tầm ít nhất 02 sự kiện có uy tín cấp khu vực, tăng cường hợp tác truyền thông quốc tế	Hình thành ít nhất 03 thương hiệu sự kiện có uy tín khu vực và khả năng nhận diện quốc tế	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
V	**Nhóm chỉ tiêu về môi trường sinh thái**				
39	Tỷ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính (%)	≥ 9	≥ 11	Phấn đấu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị chủ trì
40	Tỷ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp (đến cuối kỳ) (%)	15 - 20	30 - 40	30 - 40	Sở Công Thương
41	Tỷ lệ khu công nghiệp sinh thái được công nhận trong tổng số khu công nghiệp đang hoạt động (đến cuối kỳ) (%)	10%	13% - 15%	20%	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng
42	Mức độ vận hành thương mại thị trường cácbon	100% cơ sở thuộc đối tượng tham gia thị trường các-bon trên địa bàn được rà soát, hướng dẫn thực hiện các yêu cầu về kiểm kê khí nhà kính, đo đạc - báo cáo - thẩm định (MRV) và chuẩn bị các điều kiện tham gia thị trường các-bon	100% cơ sở phát thải lớn thuộc đối tượng tham gia cơ chế trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính trên địa bàn được hỗ trợ, hướng dẫn tham gia thị trường các-bon theo quy định; phát triển các dự án giảm phát thải, tạo tín chỉ các-bon và từng bước hình thành nguồn cung tín chỉ các-bon của thành phố	Tham gia đầy đủ thị trường các-bon trong nước theo quy định; các cơ sở phát thải lớn trên địa bàn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia cơ chế thị trường các-bon; phát triển nguồn cung tín chỉ các-bon, tăng cường kết nối, giao dịch với thị trường các-bon trong nước và quốc tế theo quy định	Sở Nông nghiệp và Môi trường
43	Bảo đảm an toàn dân cư vùng thiên tai (đến cuối kỳ)	≥70% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn. Hoàn thành di dời 80% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở	> 80% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn. Hoàn thành di dời 85 - 90% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ	100% số hộ dân thuộc khu vực thường xuyên xảy ra thiên tai có nhà ở an toàn. Hoàn thành di dời 95 - 100% số hộ dân sinh sống ở nơi có nguy cơ cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị chủ trì
		đất đến nơi an toàn.	cao xảy ra lũ quét, sạt lở đất đến nơi an toàn.	an toàn.	
44	Kiểm soát ngập úng đô thị (đến cuối kỳ)	Xử lý cơ bản tình trạng ngập úng tại khu vực đô thị	Kiểm soát tình trạng ngập úng tại khu vực đô thị	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xử lý tình trạng ngập úng	Sở Xây dựng
VI	**Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh**				
45	Hình thành nền quốc phòng số, lực lượng vũ trang thành phố thông minh; nâng cao tiềm lực, khả năng sẵn sàng chiến đấu và xây dựng khu vực phòng thủ thành phố vững chắc	Đến năm 2030, hoàn thành cơ bản nền tảng quốc phòng số của thành phố; 100% cơ quan, đơn vị đầu mối cấp 4 thuộc Bộ Chỉ huy quân sự thành phố (các phòng, ban, Ban Chỉ huy quân sự cấp xã) được kết nối, khai thác các nền tảng số phục vụ quản lý, chỉ huy, điều hành. 100% dữ liệu chuyên ngành thuộc phạm vi thành phố được số hóa quản lý, lưu trữ. Từng bước sử dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ mô phỏng... trong tham mưu, huấn luyện, diễn tập, quản lý khu vực phòng thủ.	Đến năm 2035, cơ bản hoàn thiện hệ thống quản lý, chỉ huy số trong lực lượng vũ trang thành phố. Trên 80% cơ quan, đơn vị, lực lượng nòng cốt vận hành trên nền tảng quản lý, chỉ huy số. Cơ sở dữ liệu quốc phòng được kết nối liên thông, phục vụ hiệu quả công tác tham mưu, chỉ huy, điều hành và xử lý các tình huống quốc phòng cũng như phòng thủ dân sự trên địa bàn. Xây dựng ít nhất 01 thao trường thông minh, sử dụng công nghệ cao.	Đến năm 2045, hình thành nền quốc phòng số, lực lượng vũ trang thành phố thông minh, hiện đại. Trên 90% hoạt động quản lý, chỉ huy, điều hành được thực hiện trên nền tảng số. Khu vực phòng thủ thành phố có khả năng quản trị, chỉ huy, điều hành trên nền tảng số hiện đại, đáp ứng yêu cầu bảo vệ thành phố trong tình hình mới.	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố
46	Nâng cao năng lực bảo đảm an	100% hệ thống thông tin	100% hệ thống thông	Ứng dụng ít nhất 01 phần	Công an thành

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị chủ trì
	ninh mạng	có hồ sơ trên địa bàn thành phố được phê duyệt, thống kê đầy đủ về bảo đảm an ninh mạng	tin trên địa bàn thành phố hoàn thành hồ sơ cấp độ và được giám sát bảo đảm an ninh mạng	mềm trí tuệ nhân tạo vào công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về công tác bảo đảm an ninh mạng trên địa bàn thành phố, phân tích và dự báo các nguy cơ	phố
47	Phát triển công nghiệp an ninh mạng	Thu hút, hỗ trợ hình thành ít nhất 01 doanh nghiệp an ninh mạng hoạt động trên địa bàn	Phấn đấu nâng tỷ trọng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng "Made in Vietnam": Có ít nhất 01 sản phẩm được sử dụng tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn thành phố; góp phần vào mục tiêu 25% thị trường toàn quốc	Có ít nhất 01 doanh nghiệp an ninh mạng trên địa bàn đạt quy mô vừa và lớn, có khả năng cung cấp sản phẩm, dịch vụ ra thị trường cả nước	Công an thành phố
48	Phát triển công nghiệp an ninh tự chủ, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại	Phấn đấu đến năm 2030, trên 70% vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ Công an thành phố quản lý sử dụng là sản phẩm do các đơn vị công nghiệp an ninh sản xuất, cung cấp; đảm bảo tối thiểu 50% các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố có sử dụng các sản phẩm công	Phấn đấu đến năm 2035, trên 80% vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ Công an thành phố quản lý sử dụng là sản phẩm do các đơn vị công nghiệp an ninh sản xuất, cung cấp; đảm bảo tối thiểu 70% các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố có sử	Phấn đấu đến năm 2045, 100% vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ Công an thành phố quản lý sử dụng là sản phẩm do các đơn vị công nghiệp an ninh sản xuất, cung cấp; đảm bảo 100% các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố có sử dụng các sản phẩm công nghiệp an ninh được sản xuất	Công an thành phố

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045	Đơn vị chủ trì
		nghiệp an ninh được sản xuất trong nước.	dụng các sản phẩm công nghiệp an ninh được sản xuất trong nước.	trong nước.	
VII	**Nhóm chỉ tiêu về đối ngoại và hội nhập quốc tế**				
49	Thu hút các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới (đến cuối kỳ)	Duy trì, mở rộng quy mô đầu tư của Tập đoàn LG hiện có; thu hút thêm tối thiểu 01 tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới mới trong danh sách Fortune Global 500 đặt trụ sở, văn phòng hoặc Trung tâm R&D tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Thu hút lũy kế tối thiểu 03 tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới trong danh sách Fortune Global 500 đặt trụ sở, văn phòng, Trung tâm R&D tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Thu hút lũy kế tối thiểu 05 tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới trong danh sách Fortune Global 500 đặt trụ sở, văn phòng, Trung tâm R&D tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng
50	Thiết lập mới các quan hệ hợp tác, hữu nghị	Mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị thêm ít nhất 05 địa phương, tổ chức quốc tế, phù hợp với tiềm năng, lợi thế và định hướng phát triển của thành phố.	Mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị thêm ít nhất 03 địa phương, tổ chức quốc tế, phù hợp với tiềm năng, lợi thế và định hướng phát triển của thành phố.	Mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị thêm ít nhất 03 địa phương, tổ chức quốc tế, phù hợp với tiềm năng, lợi thế và định hướng phát triển của thành phố.	Sở Ngoại vụ

Phụ lục II

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 19-NQ/TW, NGÀY 28/7/2026 VÀ CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 33-CTr/TW, NGÀY 28/7/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIV VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Kèm theo Chương trình hành động số 34-CTr/TU, ngày 30/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
I	**Về thể chế, quản trị quốc gia và hoàn thiện hệ thống chính trị**					
1	Rà soát, hoàn thiện tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, mối quan hệ công tác; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước và cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Rà soát, cập nhật thường xuyên	Đề án/phương án	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
2	Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính; rà soát, đơn giản hóa quy trình, tăng tính công khai, minh bạch và khả năng tiếp cận; tăng cường đo lường, phân tích mức độ hài lòng, tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị; lấy sự hài lòng của người dân làm một trong những căn cứ quan trọng để cải tiến chất lượng phục vụ, phấn đấu đạt các mục tiêu SIPAS của thành phố	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Duy trì thường xuyên	Quy trình, giải pháp cải thiện chất lượng phục vụ; Kế hoạch khắc phục các nội dung có mức độ hài lòng thấp	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
3	Xây dựng cơ chế khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật hành chính và nâng cao đạo đức công vụ	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Triển khai giai đoạn 2027-2030	Đề án/Quy định	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
4	Rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của thành phố đảm bảo thống nhất, đồng bộ, góp phần đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho sự phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế "02 con số"	Các Sở, ngành	Sở Tư pháp	Thường xuyên	Văn bản quy phạm pháp luật	Ngân sách nhà nước
5	Xây dựng/triển khai Kế hoạch nâng cao chỉ số PII của thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Giai đoạn 2026-2045	Kế hoạch được cấp có thẩm quyền ban hành	Ngân sách nhà nước
6	Xây dựng/triển khai Kế hoạch nâng cao chỉ số DTI của thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Giai đoạn 2026-2045	Kế hoạch được cấp có thẩm quyền ban hành	Ngân sách nhà nước
7	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch Nâng cao Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	- Quý I/2027: Ban hành Kế hoạch nâng cao Chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) giai đoạn 2027 -	Ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch nâng cao chỉ số xanh cấp tỉnh (PGI) giai	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa; nguồn

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
				2030. - Năm 2027-2030: Tổ chức thực hiện Kế hoạch.	đoạn 2027 - 2030	hỗ trợ, tài trợ, hợp tác quốc tế và các nguồn lực hợp pháp khác
II	**Về kinh tế**					
8	Xây dựng Đề án thành lập khu kinh tế phía Bắc Hải Phòng	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Các sở, ban, ngành và UBND cấp xã liên quan	Trình Thủ tướng Chính phủ Quý III/2027; Triển khai giai đoạn 2027-2030	Hồ sơ Đề án	Ngân sách nhà nước
9	Hoàn thành Đồ án Quy hoạch chung Hải Phòng đến năm 2050, tầm nhìn đến năm 2075	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Năm 2026	Hồ sơ trình Trung ương thẩm định, phê duyệt	Ngân sách nhà nước
10	Tập trung rà soát, điều chỉnh các quy hoạch còn chồng chéo, bất cập; kiên quyết khắc phục tình trạng chậm quy hoạch, thiếu quỹ đất sạch, thiếu hạ tầng đồng bộ làm ảnh hưởng đến thu hút đầu tư, triển khai dự án và thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế của thành phố	Sở Xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; UBND cấp xã	Năm 2026-2030	Văn bản chỉ đạo/Quyết định phê duyệt/Báo cáo kết quả thực hiện	Ngân sách nhà nước
11	Phát triển mô hình đô thị theo hướng TOD cho khu vực các ga đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, Hà Nội - Quảng Ninh	Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã liên quan	Giai đoạn 2026-2030	Hồ sơ quy hoạch/xác định các khu vực TOD	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
						hợp pháp khác
12	Triển khai cơ chế đặc thù về phát triển KHCN&ĐMST tại Nghị quyết số 226/2025/QH15; triển khai Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 26/5/2026 về triển khai Chiến lược quốc gia về khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Giai đoạn 2026-2030	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (40% vào năm 2030)	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
13	Tốc độ tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế trung bình/năm: 1. Tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, vận động, hướng dẫn các viện, trường; các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trên địa bàn thành phố tích cực nghiên cứu, đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích. 2. Đưa nội dung đăng ký sáng chế, giải pháp hữu ích là kết quả bắt buộc trong các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước (kết quả là được Cục Sở hữu trí tuệ chấp nhận đơn). 3. Đa dạng hóa các hình thức truyền thông nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp về tầm quan trọng của việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành; UBND cấp xã; các viện nghiên cứu, trường đại học, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn thành phố	Hàng năm (Giai đoạn 2026 - 2045)	- Tốc độ tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế trung bình/năm đạt 16 - 18% *(2026–2030)*, 10 - 12% *(2031–2035)*, 10% *(2036–2045)*. - Gia tăng số lượng thông báo chấp nhận đơn hợp lệ và văn bằng bảo hộ được cấp bởi Cục Sở	Ngân sách nhà nước *(nguồn sự nghiệp KH&CN)* và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
					hữu trí tuệ.	
14	- Hỗ trợ và phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra khu vực và toàn cầu. - Ưu tiên tập trung nguồn lực bảo đảm hạ tầng số hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số. - Hỗ trợ thúc đẩy phát triển hệ sinh thái các doanh nghiệp công nghệ số. - Phát triển đội ngũ nhân lực công nghệ số chất lượng cao. - Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc các Bộ, ngành Trung ương tổ chức triển khai các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Quyết định số 982/QĐ-TTg ngày 04/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số vươn ra toàn cầu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, doanh nghiệp, viện, trường, địa phương.	Thực hiện sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ; giai đoạn 2026-2045	Văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và kết quả triển khai	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
15	Tham mưu và triển khai kế hoạch đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển trí tuệ nhân tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành thành phố; Công an thành phố; UBND cấp xã	Ban hành kế hoạch trong quý IV năm 2026 (thực hiện sau khi có hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ) và triển khai trong các năm tiếp theo	Kế hoạch được cấp có thẩm quyền ban hành; thành phố nằm trong top 3 toàn quốc về phát triển trí tuệ nhân tạo	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
16	- Tập trung đầu tư, nâng cấp và khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng phục vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo hướng đồng bộ, hiện đại, có khả năng kết nối, chia sẻ và sử dụng chung. Nghiên cứu, đề xuất, đầu tư Công viên Khoa học và Đổi mới sáng tạo Hải Phòng tích hợp không gian nghiên cứu, thử nghiệm, ươm tạo và sản xuất công nghệ cao - công nghệ xanh. - Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh; thúc đẩy hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp công nghệ số. - Thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ. - Đẩy mạnh hợp tác "3 Nhà" và phát huy vai trò doanh nghiệp; Khuyến khích hình thành các mô hình hợp tác giữa tổ chức khoa học và công nghệ với doanh nghiệp nhằm rút ngắn thời gian đưa kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành thành phố; các viện, trường, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và địa phương	Giai đoạn 2026-2045	Đến năm 2030, kinh phí chi cho nghiên cứu và phát triển so với GRDP đạt 2%, trong đó tỉ trọng kinh phí từ xã hội đạt 60%. Đến năm 2045 kinh phí chi cho nghiên cứu và phát triển so với GRDP đạt tối thiểu 3%, trong đó tỉ trọng kinh phí từ xã hội đạt tối thiểu 70%	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	- Thành lập, vận hành và phát huy hiệu quả Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố, Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh huy động vốn đối ứng từ doanh nghiệp và nhà đầu tư tư nhân, ưu tiên đầu tư cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, dự án spin-off và công nghệ chiến lược. Thúc đẩy triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển có sự tham gia cùng chủ trì, cùng tài trợ hoặc đối ứng kinh phí của doanh nghiệp trên địa bàn. - Khuyến khích thành lập mới các trung tâm nghiên cứu và phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu ứng dụng, trung tâm thiết kế và thử nghiệm công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên của thành phố. Khuyến khích doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển (R&D), trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm thiết kế, phòng thử nghiệm và các mô hình hợp tác nghiên cứu với viện nghiên cứu, trường đại học. Thu hút viện nghiên cứu và trung tâm nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp FDI đặt tại Hải Phòng. - Thu hút, trọng dụng nhân lực nghiên cứu					

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	và phát triển chất lượng cao trong và ngoài nước tham gia chủ trì nhiệm vụ; thu hút các tổ chức khoa học và công nghệ có uy tín tham gia nghiên cứu, tư vấn chính sách, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và phát triển các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của thành phố. Khuyến khích hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, mạng lưới chuyên gia trong và ngoài nước; thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, đồng tài trợ và đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Thành lập **1-2** Trung tâm thực nghiệm, ứng dụng kỹ thuật cao dùng chung đặt tại Công viên Khoa học và Đổi mới sáng tạo hoặc các Khu kinh tế. Trung tâm hoạt động theo mô hình hợp tác công - tư; trong đó Nhà nước hỗ trợ mặt bằng và hạ tầng, các doanh nghiệp lớn (như LG, Pegatron..) đóng góp thiết bị công nghệ, cử chuyên gia tham gia huấn luyện, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đưa sinh viên đến thực tập nhằm cung ứng trực tiếp công nhân kỹ thuật cao cho doanh nghiệp					

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
17	Phát triển hạ tầng dữ liệu; triển khai và hoàn thành Chiến lược dữ liệu thành phố đến năm 2030; tăng tỷ lệ sử dụng nền tảng số phục vụ điều hành theo mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu; tiếp tục hoàn thiện trung tâm IOC, kho dữ liệu dùng chung của thành phố.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở, ban, ngành thành phố; các viện, trường, tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp và địa phương	Giai đoạn 2026-2045	Đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu vào năm 2030 và đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu vào năm 2045	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
18	Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm Dữ liệu thành phố; nghiên cứu xây dựng Trung tâm tính toán hiệu năng cao	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan	2026-2030	Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm Dữ liệu thành phố đạt chuẩn Tier III+; Báo cáo đề xuất xây dựng Trung tâm tính toán hiệu năng cao	Ngân sách nhà nước
19	Xây dựng nền tảng số quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế (bản đồ số, dữ liệu doanh nghiệp và dự án đầu tư, giám sát trực tuyến tiến độ dự án đầu tư)	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Sở Khoa học và Công nghệ, các chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp	2026 - 2030	Nền tảng số vận hành, kết nối dữ liệu với hệ thống dùng chung của thành phố	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác
20	Xây dựng Đề án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị công nghệ và kinh tế mới tại nước ngoài bằng ngân sách nhà	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Triển khai giai đoạn 2027-2030	Kế hoạch/Đề án	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	nước đối với cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hải Phòng. Xây dựng cơ chế đặt hàng đào tạo trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của Doanh nghiệp, Viện – Trường, Nhà nước					
III	**Về xã hội**					
21	Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, địa phương, đơn vị trong công tác chỉ đạo, điều hành; chú trọng công tác quy hoạch nữ cán bộ, công chức, viên chức có năng lực, trình độ phù hợp vào các chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan, đơn vị	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Thường xuyên	Đạt và vượt tỷ lệ nữ lãnh đạo theo chỉ tiêu chiến lược quốc gia	Ngân sách nhà nước
22	Đẩy mạnh hợp tác "3 Nhà" và phát huy vai trò doanh nghiệp: Nhà nước xác định bài toán, đặt hàng, tạo cơ chế, bố trí nguồn lực, dữ liệu, hạ tầng, địa bàn thí điểm và thị trường ban đầu; viện nghiên cứu, trường đại học tham gia nghiên cứu, tư vấn, thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực; doanh nghiệp tham gia đầu tư, sản xuất, hoàn thiện sản phẩm, thương mại hóa, mở rộng thị trường, hình thành chuỗi giá trị trong đó khuyến khích và tạo điều kiện để doanh nghiệp tham gia ngay từ khâu xác định bài toán, đặt hàng, tiếp nhận, thử nghiệm sản phẩm. Khuyến khích các doanh nghiệp FDI chuyển giao thiết bị thực hành và cấp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, đơn vị, doanh nghiệp, viện, trường, địa phương.	Giai đoạn 2026-2045	Số người hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ: Đến năm 2030 đạt ≥ 12 người/vạn dân; đến năm 2045 đạt 50-60 người/vạn dân	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	chứng chỉ kỹ năng nghề trực tiếp tại các Trung tâm thực nghiệm dùng chung này.					
23	Tiếp tục thực hiện Quyết định số 1042/QĐ-UBND ngày 20/3/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Đề án "Phát triển giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành; các cơ sở giáo dục và đào tạo	2030	Chất lượng giáo dục đào tạo trên địa bàn thành phố	Theo Đề án
24	Triển khai thực hiện Quyết định số 1901/QĐ-TTg ngày 05/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia về đào tạo, nghiên cứu phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam; các sở, ngành	2030	Trường Đại học Hàng hải Việt Nam thành trường trọng điểm quốc gia	Theo Đề án
25	Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 19/01/2026 của Ban Thường vụ Thành ủy về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 14-NQ/TU, ngày 13/5/2024 về đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ngành; các cơ sở giáo dục và đào tạo	2030	Chất lượng giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố đạt các mục tiêu tại Nghị quyết số 06-NQ/TU	Theo Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 18/3/2026 của UBND TP
26	Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 12/4/2024 của Ban Thường vụ Thành ủy về phát triển Trường Đại học Hải Phòng đến năm 2030, tầm	Trường Đại học Hải Phòng	Các sở, ngành; các cơ sở giáo dục và đào tạo	Giai đoạn 2026-2030; đến năm 2045	Trường Đại học Hải Phòng trở thành cơ sở GDĐH chất	Theo Đề án

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND thành phố phê duyệt Đề án "Đổi mới và phát triển Trường Đại học Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045"				lượng cao đạt các mục tiêu Nghị quyết số 12-NQ/TU	
27	Phát triển, xây dựng tối thiểu 15.000 căn nhà ở cho thuê	Sở Xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; UBND cấp xã	Giai đoạn 2026-2030	Hoàn thành 15.000 căn	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
28	Hoàn thành khoảng 32.900 căn nhà ở xã hội trong giai đoạn 2026 - 2030 gắn với phát triển đồng bộ thiết chế thiết chế văn hóa, y tế, giáo dục.	Sở Xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; UBND cấp xã	Giai đoạn 2026-2030	32.900 căn nhà ở xã hội	Nguồn vốn xã hội hóa
29	Rà soát, phát triển người tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế bắt buộc theo dữ liệu của cơ quan Thuế, tài chính và các nguồn khác (nếu có); phát triển người tham gia Bảo hiểm xã hội tự nguyện, Bảo hiểm y tế hộ gia đình tại khu vực lao động phi chính thức	BHXH thành phố	Thuế thành phố, Sở Tài chính, Ban QLKKT, Sở Nội vụ, UBND cấp xã, Hội Nông dân thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố	Thường xuyên; rà soát định kỳ 6 tháng/lần	Cơ sở dữ liệu đối tượng tiềm năng theo từng nhóm; danh sách phân loại	Kinh phí tuyên truyền, phối hợp của cơ quan BHXH/ kinh phí tuyên truyền của các cơ quan đơn vị khác

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
30	Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giao dịch điện tử, ứng dụng VssID, dịch vụ công trực tuyến trong đăng ký tham gia và giải quyết chế độ; đảm bảo quyền lợi của người tham gia Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	BHXH thành phố	Sở Khoa học và Công nghệ (chuyển đổi số), Trung tâm phục vụ hành chính công	Thường xuyên	Tỷ lệ hồ sơ giao dịch điện tử tăng; giảm thời gian giải quyết thủ tục	Kinh phí quản lý cơ quan BHXH
IV	**Về văn hoá, con người**					
31	Xây dựng tối thiểu 01 sản phẩm du lịch văn hóa có khả năng tăng chi tiêu của khách, như tour di sản đêm, chương trình biểu diễn buổi tối, không gian văn hóa - giải trí, sản phẩm lưu niệm thiết kế mới, trải nghiệm số	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	UBND cấp xã và các đơn vị có liên quan	Năm 2026	Sản phẩm du lịch văn hóa	Ngân sách thành phố kết hợp xã hội hoá
32	Xây dựng và phát triển thương hiệu các sự kiện văn hóa, nghệ thuật và lễ hội mang tầm quốc tế/khu vực, gắn với phát triển công nghiệp văn hóa, du lịch, kinh tế đêm; tập trung xây dựng một số sự kiện có bản sắc riêng, tổ chức thường niên, tăng cường hợp tác quốc tế	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ, các đơn vị liên quan	Năm 2026, cập nhật hàng năm	Hình thành và duy trì các sự kiện văn hoá, nghệ thuật, lễ hội mang thương hiệu Hải Phòng; từng bước nâng tầm các hoạt động, sự kiện thành thương hiệu khu vực và quốc tế	Ngân sách thành phố kết hợp xã hội hoá

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
33	Bảo tồn, phát huy giá trị các di sản thế giới, các di tích Quốc gia đặc biệt, quốc gia tiêu biểu	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, đơn vị, UBND các xã, phường, đặc khu liên quan	Năm 2027 và các năm tiếp theo	Các đề án, dự án bảo tồn và phát huy giá trị	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
34	Duy trì mức sinh hợp lý, nâng cao chất lượng dân số, chủ động thích ứng già hóa; cụ thể hóa chỉ tiêu của thành phố trên cơ sở số liệu nền và Chiến lược quốc gia về dân số đến năm 2045	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	2026-2045	Chỉ tiêu dân số của thành phố và kế hoạch triển khai	Ngân sách nhà nước, nguồn bảo hiểm y tế, nguồn xã hội hóa và các nguồn lực hợp pháp khác
35	Chuyển mạnh từ chữa bệnh sang phòng bệnh, quản lý sức khỏe và chăm sóc toàn diện theo vòng đời; củng cố y tế cơ sở, y tế dự phòng; tăng cường phát hiện sớm, quản lý bệnh không lây nhiễm và liên thông dự phòng - khám chữa bệnh - phục hồi chức năng	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; cơ sở y tế	2026-2030, định hướng 2045	Kế hoạch/Chương trình của ngành	Ngân sách nhà nước, nguồn bảo hiểm y tế, nguồn xã hội hóa và các nguồn lực hợp pháp khác
36	Xây dựng, cập nhật kịch bản ứng phó dịch bệnh quy mô lớn, sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng, thiên tai, thảm họa; bảo đảm năng lực giám sát, cảnh báo, xét nghiệm, nhân lực, thuốc, vắc xin, hóa chất, vật tư	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; cơ sở y tế	2026-2030; xây dựng giai đoạn đầu 2026-2027	Kế hoạch ứng phó tình huống khẩn cấp y tế	Ngân sách nhà nước, nguồn bảo hiểm y tế, nguồn xã

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	và thiết bị thiết yếu					hội hóa và các nguồn lực hợp pháp khác
37	Làm sạch, chuẩn hóa, kết nối và duy trì chất lượng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; phát triển hồ sơ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử; thiết lập cơ chế quản trị, chia sẻ dữ liệu và từng bước ứng dụng AI, phân tích dữ liệu trong chuyên môn và điều hành	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; cơ sở y tế	2026-2030	Cơ sở dữ liệu được chuẩn hóa; quy chế quản trị; hệ thống theo dõi	Ngân sách nhà nước, nguồn bảo hiểm y tế, nguồn xã hội hóa và các nguồn lực hợp pháp khác
V	**Về môi trường sinh thái**					
38	Nhiệm vụ xây dựng, triển khai kế hoạch giảm phát thải cácbon thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở: Tài chính; Công Thương; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; Thống kê thành phố; UBND các xã, phường, đặc khu	- Tháng 12/2026: Ban hành Kế hoạch. - Giai đoạn 2026-2030: Tổ chức thực hiện Kế hoạch.	Kế hoạch của thành phố và các văn bản, báo cáo kết quả thực hiện	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa; nguồn hỗ trợ, tài trợ, hợp tác quốc tế và các nguồn lực hợp pháp khác
39	Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án về cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi, xây	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải	Các Sở, ngành, địa phương	Triển khai giai đoạn 2027-2030	Kế hoạch/ Báo cáo thực hiện	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	dựng các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Hải Phòng được ban hành, tập trung hỗ trợ kỹ thuật các khu công nghiệp xây dựng, chuyển đổi sang mô hình KCN sinh thái	Phòng			Đề án	và nguồn hợp pháp khác
40	Thực hiện nhiệm vụ Kiểm kê khí nhà kính và đề xuất giải pháp quản lý giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trên địa bàn thành phố Hải Phòng	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng; UBND các xã, phường, đặc khu	Năm 2026-2027	Kế hoạch thành phố	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa; nguồn hỗ trợ, tài trợ, hợp tác quốc tế và các nguồn lực hợp pháp khác
41	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các Sở, ngành liên quan; UBND các xã, phường, đặc khu	- Tháng 12/2026: Ban hành Kế hoạch. - Giai đoạn 2026-2030: Tổ chức thực hiện Kế hoạch.	Kế hoạch được xây dựng và triển khai	Ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác
42	Xây dựng và triển khai Kế hoạch tham gia thị trường các-bon của các cơ sở trên địa bàn thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030, định hướng đến năm 2045	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Tài chính; Sở Công Thương; Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ; Ban Quản lý Khu	2028-2029	Kế hoạch của thành phố	Ngân sách nhà nước; nguồn xã hội hóa; nguồn hỗ

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
			kinh tế Hải Phòng; UBND các xã, phường, đặc khu			trợ, tài trợ, hợp tác quốc tế và các nguồn lực hợp pháp khác
43	Cải tạo, nâng cấp, xây mới hệ thống thoát nước (đường cống, mương thoát nước, hồ điều hòa, trạm bơm, cống ngăn triều...) theo quy hoạch được duyệt	Các Ban Quản lý dự án, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu	Các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường	Giai đoạn 2026-2035	Hệ thống thoát nước đồng bộ	Ngân sách thành phố và các nguồn huy động khác
44	Chuyển đổi số trong lĩnh vực thoát nước	Sở Xây dựng	Các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các Ban Quản lý dự án	Giai đoạn 2030-2035	Hệ thống thông tin quản lý ngập lụt (tích hợp trí tuệ nhân tạo)	Ngân sách thành phố và các nguồn huy động khác
VI	**Về quốc phòng, an ninh**					
45	Rà soát, đánh giá toàn diện nguồn nhân lực an ninh mạng và xác định nhu cầu đào tạo trên địa bàn thành phố; xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu chuyên gia an ninh mạng; trên cơ sở đó ban hành Kế hoạch phát triển nhân lực an ninh mạng chuyên sâu	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành, doanh nghiệp công nghệ thông tin/an ninh mạng trên địa bàn	2026-2027	Cơ sở dữ liệu chuyên gia an ninh mạng; Kế hoạch phát triển nhân lực an ninh mạng	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
46	Hoàn thiện dự án Trung tâm An ninh	Công an thành	Sở Khoa học và	2027-2028 (Giai	Đưa Dự án	Ngân sách

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	mạng Công an thành phố	phố	Công nghệ, Văn phòng UBND thành phố	đoạn I)	Trung tâm An ninh mạng Công an thành phố vào hoạt động	nhà nước và nguồn hợp pháp khác
47	Hỗ trợ, thu hút doanh nghiệp an ninh mạng đầu tư, hoạt động trên địa bàn; xây dựng cơ chế, tạo điều kiện kết nối, ứng dụng sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.	Công an thành phố	Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ	Giai đoạn 2026-2030	Hình thành ít nhất 01 doanh nghiệp an ninh mạng	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác
48	Rà soát, nâng cao Tỷ lệ trang cấp, mua sắm các sản phẩm vũ khí, trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ, công cụ hỗ trợ, các sản phẩm Công nghiệp an ninh lưỡng dụng trong Công an thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố từ các đơn vị Công nghiệp an ninh	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành; cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	Danh mục các sản phẩm Công nghiệp an ninh được sử dụng trong Công an thành phố, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn thành phố; ưu tiên thay thế các sản phẩm nội địa được ban hành	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp pháp khác
49	Phát triển các chương trình đề án phục vụ công tác quản lý nhà nước của thành phố và công tác dân sinh	Công an thành phố	Các sở, ban, ngành; cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2026-2035	- Đề án "Quy hoạch Trung tâm dữ liệu,	Ngân sách nhà nước và các nguồn hợp

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
					quản lý, giám sát, xử lý vi phạm và điều hành giao thông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050". - Chương trình Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2035.	pháp khác
VII	**Về đối ngoại và hội nhập quốc tế**					
50	Đề án xây dựng chiến lược đối ngoại thành phố Hải Phòng, giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn đến 2050	Sở Ngoại vụ	Các đơn vị liên quan	Thực hiện năm 2026. Hoàn thành Quý II/2027.	Đề án	Ngân sách nhà nước
51	Đề án Xây dựng thành phố Hải Phòng trở	Sở Ngoại vụ	Các đơn vị liên	Thực hiện năm	Đề án	Ngân sách

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
	thành "Thành phố quốc tế"		quan	2027. Hoàn thành Năm 2028.		nhà nước
52	Đề án khảo sát về người Hải Phòng ở nước ngoài	Sở Ngoại vụ	Các đơn vị liên quan	Thực hiện năm 2027. Hoàn thành Năm 2028.	Đề án	Ngân sách nhà nước
53	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong huấn luyện, diễn tập. Từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, công nghệ mô phỏng phục vụ cho huấn luyện, diễn tập, quản lý địa bàn, phối hợp đánh giá, xử lý các tình huống	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	- Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ngành, địa phương; - Các cơ quan, đơn vị Quân đội trên địa bàn.	- Giai đoạn 2026-2030: xây dựng nền tảng, hạ tầng cơ sở dữ liệu, triển khai kết nối đến toàn bộ đơn vị trực thuộc. - Giai đoạn 2031-2045: mở rộng, hoàn thiện hệ thống quản lý, chỉ huy, điều hành trên nền tảng số.	Các mô hình thao trường, khu vực phòng thủ thông minh; hệ thống mô phỏng, phần mềm phục vụ công tác tham mưu, quản lý, huấn luyện, diễn tập.	Ngân sách Nhà nước cấp qua Bộ Quốc phòng, Ngân sách địa phương và các nguồn hợp pháp khác
54	Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực công nghệ thông tin cho cán bộ, nhân viên lực lượng vũ trang thành phố	Bộ Chỉ huy quân sự thành phố	- Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Giáo dục và Đào tạo. - Các cơ sở giáo dục đào tạo chuyên ngành công nghệ	- Giai đoạn 2026-2030: xây dựng chương trình, liên hệ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng. - Giai đoạn	Đội ngũ cán bộ có trình độ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng nền quốc phòng số	Ngân sách Nhà nước cấp qua Bộ Quốc phòng, Ngân sách địa phương

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan, tổ chức phối hợp	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Kết quả/sản phẩm	Nguồn lực
			thông tin.	2031-2045: duy trì, nâng cao chất lượng		và các nguồn hợp pháp khác
55	Xây dựng Kế hoạch/Đề án xúc tiến đầu tư có trọng tâm, trọng điểm nhằm thu hút các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới (Fortune Global 500) đầu tư trụ sở, văn phòng đại diện, Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn thành phố	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng	Các Sở, ngành, địa phương	2026 - 2027 xây dựng; triển khai thường xuyên đến năm 2030	Đề án/Kế hoạch xúc tiến đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thu hút thêm tối thiểu 01 tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới giai đoạn 2026 - 2030	Ngân sách nhà nước và nguồn hợp pháp khác

Phụ lục III
DANH SÁCH CÁC NHIỆM VỤ PHỐI HỢP VỚI CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN

(Kèm theo Chương trình hành động số 34-CTr/TU ngày 30/8/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan phối hợp
I	**Về thể chế, quản trị quốc gia và hoàn thiện hệ thống chính trị**		
1	Hoàn thiện mô hình, chức năng, nhiệm vụ của các ban đảng Trung ương, các Đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban chỉ đạo Trung ương, các bộ, ngành và đơn vị sự nghiệp công lập ở Trung ương; hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc mỗi việc chỉ giao một cơ quan đầu mối chủ trì	Ban Tổ chức Trung ương	Ban Tổ chức Thành ủy; Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Nội vụ)
2	Sơ kết Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới	Ban Tổ chức Trung ương	Ban Tổ chức Thành ủy
3	Cụ thể hoá khung mô hình phát triển tổng quát và các mô hình phát triển thành phần trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hoá - con người, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế, quản trị quốc gia	Ban Chính sách, chiến lược Trung ương	Văn phòng Thành ủy
4	Theo dõi, báo cáo, đánh giá việc thực hiện hệ thống chỉ tiêu, kết luận, chỉ thị của Đảng	Văn phòng Trung ương Đảng	Văn phòng Thành ủy
5	Rà soát, lồng ghép, gắn kết các nhiệm vụ của Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam và 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội với Kế hoạch, chương trình triển khai thực hiện Nghị quyết về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Văn phòng Thành ủy
6	Nghiên cứu xây dựng khung chỉ số quản trị quốc gia	Ban Chính sách, chiến lược Trung ương	Văn phòng Thành ủy
7	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá phẩm chất, năng lực, uy tín cán bộ	Ban Tổ chức Trung ương	Ban Tổ chức Thành ủy

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan phối hợp
8	Đổi mới công tác báo cáo trong toàn hệ thống chính trị (theo hướng tinh gọn, thống nhất, số hoá, liên thông, dựa trên dữ liệu)	Văn phòng Trung ương Đảng	Văn phòng Thành ủy; Đảng ủy các cơ quan, địa phương
9	Hoàn thiện thể chế pháp luật về phát triển đô thị	Đảng ủy Chính phủ	Văn phòng Thành ủy
10	Xây dựng và triển khai Đề án Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Nội vụ)
11	Xây dựng các chiến lược: Phát triển kinh tế không gian tầm thấp, không gian vũ trụ, không gian ngầm...	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (các Sở, ban ngành có liên quan)
II	**Về kinh tế**		
12	Triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến lược chuyển đổi trí tuệ nhân tạo quốc gia (AIX)	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Khoa học và Công nghệ)
13	Công bố dữ liệu mở của Chính phủ có kiểm soát để doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học có thể khai thác	Đảng ủy Công an Trung ương	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Giáo dục và Đào tạo)
14	Xây dựng Trung tâm nghiên cứu công nghệ lượng tử	Đảng ủy Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Công Thương)
15	Xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam đến năm 2045	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Công Thương)
16	Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển năng lượng và công nghiệp ngoài khơi	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố
17	Rà soát, hoàn thiện các quy định đầu tư ra nước ngoài phù hợp bối cảnh mới	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Tài chính)
18	Tổng kết Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và sơ kết Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Ban Chính sách, chiến lược Trung ương	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Công Thương)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan phối hợp
19	Xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hoá hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh	Đảng ủy Bộ Tài chính	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Công Thương)
20	Xây dựng và triển khai Đề án Phát triển thị trường giao dịch hàng hoá phái sinh tại Việt Nam	Đảng ủy Bộ Công Thương	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Công Thương)
21	Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án phát triển hệ thống logistics	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Công Thương)
22	Xây dựng và triển khai Đề án thu hút các tổ chức khoa học công nghệ khu vực và quốc tế đặt trụ sở tại Việt Nam	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Khoa học và Công nghệ)
23	Phát triển hai Đại học Quốc gia, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Đại học Bách khoa thành trung tâm của hệ sinh thái R&D và đổi mới sáng tạo	Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Khoa học và Công nghệ)
24	Hoàn thiện cơ chế, chính sách cho các trung tâm đổi mới sáng tạo tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng và một số địa phương có tiềm năng	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Khoa học và Công nghệ)
25	Xây dựng Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 39-NQ/TW, ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Tài chính)
III	**Về xã hội**		
26	Xây dựng và triển khai các bộ tiêu chí quốc gia đánh giá toàn diện về xã hội, các bộ chỉ số về hạnh phúc xã hội, chất lượng sống, niềm tin xã hội, bảo đảm an ninh con người.	Đảng ủy Chính phủ, Đảng ủy Công an Trung ương	Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố; Đảng ủy Công an thành phố
27	Xây dựng hệ thống nắm bắt dư luận, nhu cầu xã hội và cảnh báo sớm rủi ro trên nền tảng dữ liệu số, theo thời gian thực	Ban Tuyên giáo Trung ương	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan phối hợp
28	Xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia về dân số đến năm 2045 trên cơ sở tổng kết Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Y tế)
29	Nghiên cứu hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách đối với lao động phi chính thức	Đảng ủy Bộ Nội vụ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Nội vụ)
30	Xây dựng Đề án về phát triển nguồn nhân lực quốc gia gắn với thị trường lao động hiện đại	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Nội vụ)
31	Xây dựng bộ chỉ số giám sát chất lượng nguồn lao động, việc làm bền vững, đào tạo, thu nhập, bảo hiểm xã hội và mức độ hài lòng của người lao động, doanh nghiệp	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Nội vụ)
IV	**Về văn hoá, con người**		
32	Xây dựng cơ chế thử nghiệm cho các mô hình mới về văn hoá số, sáng tạo nội dung số, nghệ thuật số, du lịch di sản thông minh, kinh tế đêm, không gian sáng tạo	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
33	Thí điểm xây dựng sàn giao dịch sản phẩm văn hoá nghệ thuật trên môi trường số	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)
34	Hoàn thiện cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ chế tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp	Đảng ủy Bộ Giáo dục và Đào tạo	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Giáo dục và Đào tạo)
35	Xây dựng pháp luật về dinh dưỡng học đường	Đảng ủy Quốc hội, Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Hội đồng nhân dân thành phố, Đoàn Đại biểu Quốc hội, Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Y tế)
36	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh quy mô lớn, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng, thiên tai, thảm hoạ, an ninh y tế cấp quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 gắn với Chiến lược quốc gia	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Y tế)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan phối hợp
	bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045		
37	Nghiên cứu đề xuất mô hình và Chương trình xây dựng địa phương xã hội chủ nghĩa đến năm 2045	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy
V	**Về môi trường sinh thái**		
38	Xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 gắn với Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
39	Xây dựng và triển khai Chiến lược quốc gia về phát triển công nghiệp môi trường	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
VI	**Về quốc phòng, an ninh**		
40	Xây dựng và triển khai Đề án phát triển các khu kinh tế - quốc phòng gắn với các đảo, vùng biển chiến lược, kết hợp phát triển kinh tế biển, đảo với bảo vệ chủ quyền	Quân uỷ Trung ương	Đảng ủy Bộ Chỉ huy quân sự thành phố
41	Xây dựng danh mục các lĩnh vực, hạ tầng và năng lực chiến lược quốc gia cần ưu tiên bảo vệ - kèm phương án bảo đảm khả năng chuyển trạng thái khi có tình huống quốc phòng, an ninh	Quân uỷ Trung ương	Đảng ủy Bộ Chỉ huy quân sự thành phố
42	Xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc phòng, hệ thống chỉ huy - điều hành số	Quân uỷ Trung ương	Đảng ủy Bộ Chỉ huy quân sự thành phố
43	Xây dựng chính sách đặc thù phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh	Quân uỷ Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương	Đảng ủy Bộ Chỉ huy quân sự thành phố; Đảng ủy Công an thành phố
44	Xây dựng hệ thống theo dõi và cảnh báo sớm rủi ro chuỗi cung ứng và công nghệ	Đảng ủy Công an Trung ương	Đảng ủy Công an thành phố

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan, tổ chức chủ trì	Cơ quan phối hợp
45	Triển khai hiệu quả Chiến lược an ninh quốc gia trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy Công an Trung ương	Đảng ủy Công an thành phố
46	Xây dựng các cơ chế kiểm tra sức chống chịu quốc gia trước các rủi ro an ninh quốc gia	Đảng ủy Công an Trung ương	Đảng ủy Công an thành phố
47	Xây dựng các nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý, điều hành, giám sát và dự báo an ninh	Đảng ủy Công an Trung ương	Đảng ủy Công an thành phố
VII	**Về đối ngoại và hội nhập quốc tế**		
48	Xây dựng và triển khai Chiến lược đối ngoại toàn diện ở tầm cao mới	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Ngoại vụ)
49	Triển khai hiệu quả nội hàm các khuôn khổ quan hệ đối tác, đồng thời xem xét nâng cấp quan hệ với một số đối tác vào thời điểm thích hợp; gắn kết chặt chẽ đối ngoại chính trị với hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Ngoại vụ)
50	Xây dựng và triển khai các cơ chế đặc thù thu hút đối tác chiến lược, tập đoàn đa quốc gia, tổ chức nghiên cứu, chuyên gia và nhân tài quốc tế tham gia các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam	Đảng ủy Chính phủ	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Ngoại vụ)
51	Nâng cấp, hoàn thiện mạng lưới các đầu mối phụ trách về ngoại giao khoa học, công nghệ, ngoại giao số, dữ liệu và đổi mới sáng tạo	Đảng ủy Bộ Ngoại giao	Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố (Sở Ngoại vụ)